

Bản án số: 49/2021/DS-PT

Ngày: 20-4-2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga
Ông Bùi Thanh Thảo

-Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quyết – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/4/2021 và 20/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2020/TL-PT ngày 21/10/2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2020/QĐPT-DS ngày 11/11/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lương Viết T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (có mặt)

*** Bị đơn:** 1. Ông Trần Văn S, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

2. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, Bình Phước

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lương Viết T2, sinh năm 1954 (xin vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã L, huyện P, Bình Phước

3. Ông Đặng Đình Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

5. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Ngọc D1– Phó giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện P.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ông Lương Viết T

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Lương Viết T trình bày:***

Năm 2017 Ông Lương Viết T được Ông Lương Viết T2 và Bà Nguyễn Thị D là bố mẹ của ông T tặng cho 01 thửa đất với diện tích 1.598,7m² (Đất trồng lúa nước), tọa lạc tại thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước, thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 31, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 301011, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03033/TA do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/8/2017 cho Ông Lương Viết T. Từ khi được tặng cho diện tích đất trên thì ông Lương Viết T chưa canh tác và sử dụng diện tích đất đó mà để trống. Đến năm 2018, diện tích đất trên đã bị Ông Trần Văn S và Bà Lê Thị T1 lấn chiếm toàn bộ và đã trồng cây điều.

Trước đây ông T đề nghị Tòa án nhân dân huyện P giải quyết buộc gia đình bà Trần Văn S và bà Lê Thị T1 phải trả lại diện tích 1598,7m² đã lấn chiếm của ông. Nhưng theo kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thì diện tích đất ông cho rằng ông S, bà T1 lấn chiếm là 647,4m². Vì vậy, ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S và bà T1 phải trả lại phần diện tích lấn chiếm là 647,4m².

****Bị đơn ông Trần Văn S và bà Lê Thị T1 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:***

Vào năm 2016, vợ chồng ông S, bà T1 có nhận chuyển nhượng của Ông Đặng Đình Đ 01 diện tích đất khoảng 1,7 ha nơi đất gần suối trên đất trồng cao su do chủ cũ trồng. Khi chuyển nhượng các bên có viết giấy tờ tay, chỉ ranh giới với nhau nhưng do ông Đ chỉ ranh là suối nên không gọi ông T đến (do ông S, bà T1 chuyển nhượng nguyên thừa). Thời điểm nhận chuyển nhượng lại của ông Đ thì đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Đặng Đình Đ, đất không có tranh chấp với ai. Đối với diện tích đất 1,7 ha ông S, bà T1 nhận chuyển nhượng lại của ông Đ thì gồm 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó ông S, bà T1 làm thủ tục đổi sổ, sang tên và đã được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đứng tên Trần Văn S và Lê Thị T1. Khi nhận chuyển nhượng lại

của ông Đ thì các bên không tiến hành đo đạc lại mà chỉ sang tên đôi sổ. Sau khi nhận chuyển nhượng lại đất của ông Đ thì ông S, bà T1 chặt cao su 4 năm tuổi do ông Đ trồng chuyển sang trồng điều từ đó cho đến nay, nhưng mãi đến đầu năm 2019 thì ông T bắt đầu khởi kiện ông S, bà T1 ra Tòa án để buộc ông S, bà T1 trả lại đất lấn chiếm. Nên trước yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông S, bà T1 không đồng ý vì trong thời gian 2 chủ cũ (ông N và ông Đ), đến khi ông S, bà T1 chuyển nhượng được 03 năm mà ông T không có ý kiến gì.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D và ông Lương Viết T2 thống nhất trình bày:***

Nguồn gốc đất có diện tích 1.598,7m² (Đất trồng lúa nước) là do vợ chồng bà D nhận chuyển nhượng lại vào năm 2003. Khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng bà D có canh tác trồng lúa trên diện tích đất trên. Sau đó do vợ chồng bà D già yếu, bệnh tật vợ chồng bà D không canh tác nữa nên vào năm 2017, vợ chồng bà D có tặng cho con là Lương Viết T diện tích 1.598,7m² tọa lạc tại thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Ông T đã làm thủ tục sang tên và đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG301011 vào sổ cấp GCN CS03033 cấp ngày 08/8/2017. Khi được tặng cho diện tích đất trên thì vẫn không canh tác. Hiện trạng đất vẫn không thay đổi gì, vẫn y nguyên như trước lúc vợ chồng bà D tặng cho ông T. Trước yêu cầu khởi kiện của ông T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật vì đối với diện tích đất trên vợ chồng bà D đã tặng cho ông T.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Đình Đ và bà Nguyễn Thị M quá trình giải quyết vụ án trình bày:***

Vào năm nào vợ chồng ông Đ không nhớ rõ, vợ chồng ông Đ có nhận chuyển nhượng lại 1 diện tích đất khoảng 1,7 ha của gia đình ông N (không rõ họ). Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất thời điểm đó trồng điều và cao su. Khi nhận chuyển nhượng đất của ông N thì có yêu cầu các bên ra ký giáp ranh và chỉ ranh giới, chỉ có ranh giới có suối thì không yêu cầu người ra ký giáp ranh. Khi nhận chuyển nhượng thì gia đình ông Đ sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Sử dụng được khoảng 03 năm thì gia đình ông Đ chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất trên cho vợ chồng ông S, bà T1 (chuyển nhượng diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không đo đạc lại) và cũng yêu cầu các bên ra ký giáp ranh chỉ có ranh giới có suối thì không ký giáp ranh. Hiện trạng đất mà vợ chồng ông Đ nhận chuyển nhượng lại của ông N và vợ chồng ông Đ chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông S đến bây giờ không có thay đổi và cũng không có tranh chấp. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước, người đại diện theo ủy quyền Ông Triệu Ngọc D1 trình bày:***

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 301011, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03033/TA do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/8/2017 cho Ông Lương Viết T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số CG 301008, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02971/TA do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/7/2017 cho Ông Lương Viết T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 301010, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS03034/TA do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 08/8/2017 cho Ông Lương Viết T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 301012, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02970/TA do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/7/2017 cho Ông Lương Viết T được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục. Việc ký giáp ranh, xác định ranh giới, diện tích, số đo các cạnh thửa đất được xác định theo bản đồ địa chính chính quy xã L được Sở Tài Nguyên môi trường tỉnh Bình Phước duyệt ngày 19/3/2015.

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 842812, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02729/CN do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 31/10/2016 cho Ông Trần Văn S và Bà Lê Thị T1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 842810, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02730/CN do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 31/10/2016 cho Ông Trần Văn S và Bà Lê Thị T1; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 842811, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS02728/CN do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 31/10/2016 cho Ông Trần Văn S và Bà Lê Thị T1 được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục. Việc ký giáp ranh, xác định ranh giới, diện tích, số đo các cạnh thửa đất được xác định theo bản đồ địa chính chính quy xã L được Sở Tài Nguyên môi trường tỉnh Bình Phước duyệt ngày 19/3/2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lương Viết T thì Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Phước không có ý kiến hay yêu cầu gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

****Người làm chứng ông Nguyễn Văn T3 trình bày :***

Trước đây, ông không nhớ rõ vào thời gian nào thì ông có mượn của ông T2, bà D là bố mẹ của Ông Lương Viết T 01 bung đất để trồng cỏ nuôi bò. Ông T3 trồng cỏ được 3 năm thì ông trả lại đất và không trồng cỏ nữa. Thời điểm đó thì bung rất rậm cỏ, nước chảy tràn lan không theo dòng, con suối nằm ở đâu hiện trạng như thế nào thì ông không biết. Lúc đó thì gia đình ông N (hiện nay đã chuyển nhượng đất lại cho gia đình ông S) và gia đình ông Tkhông có tranh chấp gì với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Viết T về việc buộc ông Trần Văn S và bà Lê Thị T1 phải trả lại cho ông T diện tích đất lấn chiếm từ 1.598,7m² xuống còn 647,4m² tọa lạc tại thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lương Viết T về việc yêu cầu Tòa án buộc buộc ông Trần Văn S và bà Lê Thị T1 phải trả lại

cho ông T diện tích đất lần chiếm là 647,4m² đất tọa lạc tại: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17/8/2020, nguyên đơn ông Lương Viết T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 17/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện P có quyết định kháng nghị số 07/QĐKN-VKS ngày 17/8/2020 đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông T giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ông Lương Viết T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể: vào ngày 03/6/2020, Tòa án nhân dân huyện P ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ấn định thời hạn mở phiên tòa vào hồi 08 giờ ngày 24/6/2020. Tuy nhiên, vào ngày 15/7/2020 Tòa tiếp tục ban hành Thông báo số 15/2020/TBTA-DS về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa mà không có Quyết định hoãn phiên tòa vào ngày 24/6/2020 là không đúng; ngoài ra, trong Quyết định số 10 trên Hội thẩm nhân dân được phân công làm thành viên Hội đồng xét xử là các ông Tạ Văn K, Hồ Viết T4, các Hội thẩm nhân dân dự khuyết là các ông Nguyễn Duy K1, Lê Trọng T5. Nhưng, tại phiên tòa các Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử lại gồm ông Tạ Văn K, ông Phạm Văn K2 mà không có quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng cũng là vi phạm. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P về phần này là có cơ sở. Tuy nhiên,

Tòa cấp phúc thẩm thấy rằng, tại phiên tòa sơ thẩm không có đương sự nào đề nghị thay đổi ông T5 và những vi phạm trên không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Do đó, vi phạm này không là căn cứ để hủy án sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Ông Lương Viết T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P về phần nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với Ông Lương Viết T: Vào năm 2017, ông T được cha mẹ là ông Lương Viết T2, Bà Nguyễn Thị D tặng cho các thửa đất lần lượt có diện tích: 9.074,7m² thuộc thửa số 1 tờ bản đồ 31- ông T được cấp GCNQSDĐ số CS 02971/TA ngày 17/7/2017; 2062,2m² thuộc thửa số 94 tờ bản đồ 31- ông T được cấp GCNQSDĐ số CS 02970/TA ngày 17/7/2017; 1.598,7m² thuộc thửa số 10 tờ bản đồ số 11- ông T được cấp GCNQSDĐ số CS 03033/TA ngày 08/8/2017 và 1060,0m² thuộc thửa số 98 tờ bản đồ 31- ông T được cấp GCNQSDĐ số CS 03034/TA ngày 08/8/2017. Các diện tích trên đều tọa lạc tại thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (từ bút lục 152 đến 172). Nguồn gốc các thửa đất này là do ông T2, bà D nhận chuyển nhượng lại của người khác từ năm 2003.

[2.2] Đối với ông Trần Văn S, Bà Lê Thị T1: Hiện nay ông bà đang quản lý sử dụng 03 diện tích đất gồm: diện tích thứ nhất 2058,3m² thuộc thửa số 11 tờ bản đồ 31, đã được cấp GCNQSDĐ số CS 02728/CN vào ngày 31/10/2016; diện tích thứ hai 3036,0m² thuộc thửa số 17 tờ bản đồ 31, đã được cấp GCNQSDĐ số CS 00199/CN ngày 25/8/2016; diện tích thứ ba 11463,1m² thuộc thửa 18 tờ bản đồ số 31, đã được cấp GCNQSDĐ số CS 02730/CN ngày 31/10/2016. Cả ba diện tích đất trên đều có nguồn gốc đất do ông S, bà T1 nhận chuyển nhượng của ông Đặng Đình Đ vào ngày 10/10/2016 và đều tọa lạc tại thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước (từ bút lục 233 đến 264).

[2.3] Theo trình bày của các bên đương sự và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ xác định được diện tích đất 1.598,7m² của ông T và hai diện tích 2058,3m²; 3036,0m² của ông S bà T1 hiện nay nằm cách nhau một con suối “có chiều rộng miệng suối từ 3,5m đến 4m, chiều sâu từ đáy suối lên đến miệng suối có đoạn sâu 2,5m có đoạn sâu 3m” (theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 29/12/2020). Ông T cho rằng hiện nay ông S bà T1 đang sử dụng lấn chiếm của ông T phần đất 647,4m² nằm trong diện tích 1.598,7m² mà ông T đã được cấp giấy chứng nhận. Ông T cho rằng căn cứ ông yêu cầu bị đơn trả lại đất là vì theo GCNQSDĐ thì ông được cấp diện tích 1.598,7m² sang phía bên kia (tức phía đông) của con suối và phần đất phía đông của con suối này lại bị ông S bà T1 sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.4] Theo Mạnh trích đo số TĐ 02-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P lập ngày 13/01/2021, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2020 thể hiện và sự xác nhận của cả ông T cùng các bị đơn ông S

bà T1 thì: trước đây con suối không nằm ở vị trí như hiện nay mà nằm sâu trong đất của ông T, nhưng theo thời gian do sự nắn dòng của tự nhiên nên vị trí con suối đã bị dịch chuyển về phía Đông so với đất của ông T và phía Tây so với đất của ông S bà T. Tại Tòa, ông T không xác định được con suối bị nắn dòng chính xác từ năm nào nhưng ông xác nhận từ khi cha mẹ ông nhận chuyển nhượng của chủ đất cũ thì con suối hiện hữu đã hình thành như bây giờ. Cũng theo mảnh trích đo trên thể hiện thì diện tích đất 1.598,7m² ông T được cấp nằm hoàn toàn về phía Tây của con suối hiện hữu (tức cạnh phía Đông của đất ông T giáp miệng suối) còn ông S bà T1 được cấp quyền sử dụng các diện tích 2058,3m² và 3036,0m² có các cạnh phía Tây cũng giáp ngay miệng con suối này. Các diện tích đất mà nguyên đơn ông T cũng như bị đơn ông S bà T1 được cấp như vừa đề cập hoàn toàn phù hợp với thực tế mà các bên đang quản lý, sử dụng. Bên cạnh đó, trên các diện tích đất 2058,3m² và 3036,0m² mà ông S bà T1 được cấp cũng như đang sử dụng hiện nay còn tồn tại tàn dư của rất nhiều các gốc cao su to do vợ chồng ông Đặng Đình Đ trồng mà ông S bà T1 đã chặt hạ để chuyển đổi sang trồng cây Điều sau khi ông S bà T1 nhận chuyển nhượng từ ông Đ. Hơn nữa, ông T không chứng minh được phần đất 647,4m² hiện đang nằm trong hai thửa 2058,3m² và 3036,0m² ông S bà T1 được cấp là thuộc quyền sử dụng của ông T. Mặt khác, hình thể con suối theo hiện trạng với hình thể con suối cũ thể hiện trong GCNQSDĐ của ông T là hoàn toàn khác nhau do con suối cũ đã bị nắn dòng nhưng khi làm thủ tục sang tên cho ông T cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã không điều chỉnh cho đúng thực tế sử dụng mà vẫn cấp GCNQSDĐ trong đó thể hiện có con suối cũ. Do đó, không có cơ sở xác định phần đất 647,4m² nằm phía bên kia con suối hiện nay so với đất của ông T là của ông T. Và hiện nay diện tích đất ông T đang sử dụng nhiều hơn so với các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T được cấp là 1.123,7m²; còn diện tích đất thực tế ông S bà T1 đang sử dụng là 16.272,8m² so với 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông S và bà T1 là 16.557,4m² thì diện tích thực tế gia đình ông S đang sử dụng ít hơn so với diện tích được cấp là 284,6m². Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nên, kháng cáo của ông T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P về phần này là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.5] Xét kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện P về việc Tòa sơ thẩm tuyên: “*Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lương Viết T về việc buộc ông Trần Văn S và bà Lê Thị T1 phải trả lại cho ông T diện tích đất lấn chiếm từ 1.598,7m² xuống còn 647,4m² tọa lạc tại thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước*”, thấy: Việc tại Đơn khởi kiện ông T yêu cầu bị đơn trả lại nguyên trạng diện tích đất 1.598,7m² nhưng sau khi đo đạc xác định phần ông tranh chấp có diện tích là 647,4m² nên tại phiên tòa sơ thẩm ông T chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 647,4m² thực chất là việc thay đổi yêu cầu khởi kiện. Do đó, việc tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T như trên là không phù hợp. Vì vậy, kháng nghị về phần này là có cơ sở. Cần điều chỉnh lại cách

tuyên án theo hướng không tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện như Tòa sơ thẩm đã thể hiện trong bản án.

[2.6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P về phần án phí: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất nên áp dụng án phí không có giá ngạch. Nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm lại tính án phí có giá ngạch theo trị giá của phần đất tranh chấp. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về phần này cho phù hợp. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P về phần này là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa về phần án phí, về phần tuyên đình chỉ một phần vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, các nội dung khác không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông T phải tự chịu các khoản gồm: chi phí đo đạc 5.702.300 đồng (tại cấp sơ thẩm), 5.702.300 đồng (tại cấp phúc thẩm); 363.132 đồng chi phí sao lục hồ sơ cấp GCQSDĐ; 5.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định định giá tại cấp sơ thẩm và 3.000.000 đồng tại cấp phúc thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ông Lương Viết T.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 147; Điều 157; Điều 165 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Viết T về việc yêu cầu Tòa án buộc buộc ông Trần Văn S và bà Lê Thị T1 phải trả lại cho ông T diện tích đất lấn chiếm là 647,4m² đất tọa lạc tại: Thôn 2, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đất ông S, bà T1

- + Phía Tây giáp suối
- + Phía Nam giáp đất ông V
- + Phía Bắc giáp đường đất ông S, bà T1

(Kèm theo Trích đo địa chính số TĐ 02-2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P lập ngày 13/01/2021).

2. Về chi phí tố tụng: Ông T phải tự chịu các khoản gồm: chi phí đo đạc 5.702.300 đồng tại cấp sơ thẩm, 5.702.300 đồng tại cấp phúc thẩm; 363.132 đồng chi phí sao lục hồ sơ cấp GCQSĐĐ; 5.000.000đ chi phí xem xét thẩm định định giá tại cấp sơ thẩm và 3.000.000 đồng tại cấp phúc thẩm. Các khoản tiền trên ông T đã nộp đủ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lương Viết T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho ông T số tiền 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 026994 ngày 09/4/2019.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lương Viết T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012087 ngày 20/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi